

Vài suy nghĩ sau khi đọc tiểu luận “Nhà văn Việt Nam: Đòi hỏi và Hồi đáp” của nhà văn Tô Nhuận V và tiếp tục truy cập vào trang web của nhà văn Đào Hi



Tháng 2 năm 2007, trên diễn đàn talawas, tôi có viết một bài để góp ý với ông Võ Văn Kiệt về “hòa giải dân tộc và khép lại quá khứ”. Thời gian ngắn sau đó, tôi nhận một email từ Việt Nam chuyển lại của ông Võ Văn Kiệt, rằng nhiều người đã góp ý của tôi có thể tranh luận nhưng cũng rất nhiều người đã ủng hộ ông và nhận là rất có lý. Ông cũng dặn với người đưa tin nếu tôi có dịp về thì đưa tôi đến nhà chơi để trao đổi với ông. Tôi trả lời, cũng qua trung gian người đưa tin, cảm ơn ông và vì công việc của nhà hàng quán trọ nên tôi mong ông đáp lại những người đã nêu ra trong bài viết, nhất là những người đã ủng hộ ông có thể tranh luận được, và phần lớn rất vui cho mọi người cùng được. Chuyện đó tất nhiên là chuyện chung chứ không phải là chuyện giữa ông và tôi. Các thế hệ Việt Nam mai sau tiếp nhận thành tựu những bài học, những kinh nghiệm của các thế hệ đi trước để tiếp tục. Không có kinh nghiệm lịch sử nào là nên bỏ qua và không có bài học lịch sử nào mà không đáng học. Có lẽ tôi đọc đâu đó, ông Võ Văn Kiệt đã tính viết một cuốn sách, tôi rất mong và âm thầm chờ đợi một tác phẩm hay một hồi ký của ông.

Tôi không kể về những hồi ký của ông Võ Văn Kiệt một con số đúng về bao nhiêu sĩ quan công chức của Việt Nam Cộng hòa bỏ ông và Đảng của ông chạy ra các vùng rừng sâu núi cao để c Tiễn Lãnh, Hàm Tân, Hoàng Liên Sơn, Thanh Phong, Thanh Hóa. Tôi không kể về những hồi ký của ông một con số bao nhiêu người dân Sài Gòn bỏ ông và Đảng của ông đi để đi khắp các vùng kinh tế mới miền Đông, miền Tây Nam Bộ. Tôi không kể về những qua hồi ký ông sẽ công bố để y để danh sách những người bị bắt bớ ban Quân quản, do ông làm bí thư Đảng ủy để bị bắt, xếp vào thành phần tư sản mới bỏ; của cái, nhà của bỏ tù, cha mẹ phải vào tù, con cái phải sống lang thang đói khổ trong cuộc chiến. Tôi không kể về những qua hồi ký ông sẽ ghi lại thích nguyên nhân nào khiến hàng triệu người Việt đã bỏ đi chấp sống to gió lạnh về quê tìm một con đường sống trong muôn ngàn đường chết. Tôi cũng không kể về những qua hồi ký ông sẽ chính thức xin lại cùng nhân dân miền Nam nói riêng và cả nước nói chung, những sai lầm của Đảng do ông trực tiếp lãnh đạo đã gây ra. Và như tôi đã đọc tiểu sử, quá trình đấu tranh của ông và những mất mát của riêng bản thân ông, tôi cũng không nghĩ ông Võ Văn Kiệt sẽ thành lập một đảng hay một cánh đội lập, công khai thách thức vị trí lãnh đạo của Đảng Cộng sản để lột bỏ đảng cho một cuộc vận động toàn dân, toàn diện nhằm tiến đến một xã hội mới, dân chủ, nhân bản và thịnh vượng như một số người đã bàn tán trước đây.

Ông Võ Văn Kiệt t  năm 1938 cho đ n cu i đ i v n l  ng  i c ng s n. Khác ch ng so v i nh ng l nh đ o c ng s n c ng th i, ông Võ Văn Kiệt sinh ra t  mi n cây trái Vĩnh Long, ph n l n qu ng đ i đ u tranh c a ông c ng t  ru ng đ ng, sông n  c mi n Nam, g n g i v i nh n d n mi n Nam và trong nh ng ngày cu i đ i nhìn l i đ  c c l c ch nh l ng bu ng nh ng câu n i nh  nh ng l i an  i mu n m ng, r i r c đ c đ y tr n v i c  quan ng n lu n, trong nh ng bu i nh u, dành cho nh ng ng  i đ  ch u đ ng d  i b n tay ông.

Dù sao t i c ng mong ông vi t, b i v i h n ai h t, ông Võ Văn Kiệt l  ng  i c  th m quy n đ  vi t. Gi  tr  trong t c ph m c a ông Võ Văn Kiệt không h n   ch  l  s  th t m  l  s  ki n, dù đ  c n u ra đ  bi n h  cho nh ng sai tr i c a ch nh ông. Nh ng Gi t n  c trong bi n c  c a Hoàng Văn Hoan và H i k  c a m t Vi t c ng c a Tr ng Nh  T ng v n c  gi  tr  s  ki n nh t đ nh v  l  nh ng t c ph m tham kh o c n thi t cho c c s  gia v  th  h  mai sau. H m nay, ông Võ Văn Kiệt đ  qua đ i. Ông ra đ  mang theo nhi u chi ti t quan tr ng c a nh ng n m kh  kh n nh t trong l ch s  d n t c th i c n đ i. Ph n l n nh ng l i ph n  u dành cho ông đ u ch m đ t b ng câu c u mong h  ng linh ông đ  c y n ngh , nh ng làm sao h  ng linh ông c  th  y n ngh  đ  c khi v n c n n  th  gian n y m t m n n  m  ông ch a tr  h t.

Nh ng ch u đ ng c a d n t c Vi t Nam n i chung v  nh n d n mi n Nam n i ri ng đ  i b n tay ông Võ Văn Kiệt v  Đ ng c a ông trong nh ng n m ngay sau 1975, s  m i m i s  l  m t v t th  ng h n s u trong l ch s . M u v  n  c m t c a nh n d n mi n Nam đ  xu ng trong c c tr i tù, tr n c c khu kinh t  m i, đ c c c v a h  Hu , Đ  N ng, S i G n đ  đ ng th n b ng trong k  c a gi ng n i. Không ai tr ch ông Võ Văn Kiệt t i sao b y m  i n m tr  c đ  tham gia Đ ng C ng s n nh ng ch c ch n c c th  h  Vi t Nam mai sau s  tr ch ông đ  không c  nh ng câu tr  l i cho nh ng th m tr ng m  đ t n  c đ  tr i qua trong su t 22 n m d i (1975 – 1997), th i gian ông đ  đ ng vai tr  quan tr ng trong ch nh tr  Vi t Nam.

Ông Võ Văn Kiệt, gi ng nh  h u h t nh ng ng  i c ng s n trong th  h  Tân Tr o, P c B  đ  không làm đ  c, đ  không tr  l i đ  c nh ng câu h i c a phi n t a l ch s , nh ng t i tin c c th  h  Vi t Nam tham gia Đ ng C ng s n sau ông, th  h  “ch ng M  c u n  c”, th  h  “T ng c ng k ch T t M u Th n” v i m t s  kh  đ ng v n c n đ ng s ng, c  th  tr  l i v  th m ch i ph i tr  l i tr  c khi c c anh c c ch  xu i tay nh m m t ra đ .

Đ u đ ng m ng l  trong th i gian qua, m t s  h i k  nh  T i b  b t c a nh  th  Tr n V ng Sao, T i bày t  c a nh  văn Ti u Dao B o C  m  t i đ  c  đ p g p ý tr  c đ y, ti u lu n “Nh  văn Vi t Nam: Đ i m i v  H i nh p” c a nh  văn T  Nhu n V , hay m i đ y t  truy n L c đ  ng c a nh  văn Đ o Hi u đ  n i ti p nh u ra đ i. C c anh vi t v  b c x c c  nh n hay t  nh n th c ch nh tr  không ph i l  đ u quan tr ng, đ u quan tr ng nh t v n l  vi t ra. T i tin r ng v i chi u h  ng Vi t Nam đ ng c  m  r ng c c m i quan h  v i n  c ngo i, nh ng t m

màn sương hãi sương đọng trên vén lên cao hơn, những biên giới cách ngăn sương đọng đọng thu hẹp, trong
tối lại sương có nhuốm tác phẩm như thế này.

Tôi vừa đọc hết tập truyện ngắn của nhà văn Đào Hiếu. Là một người trong thế hệ trẻ hơn, tôi cảm nhận anh đã kể lại những chuyện đã đi qua, ghi lại những thao thức và trăn trở của anh và thế hệ anh. Ngay cả những việc chúng ta mới làm hôm qua, hôm nay có thể đã không còn đúng nữa và những câu nói mới vừa thoát ra khỏi miệng khi biết mình nói sai rồi, những việc những việc đã làm 40 năm trước. Ai cũng có một thu hai mặt và ai cũng trải qua một thời tuổi trẻ. Sinh ra và lớn lên trên quê hương chiến tranh, nghèo khó, chịu đựng cái nhọc của một người lính trẻ, coi rẻ, câu hỏi làm gì cho đất nước luôn là ám ảnh hàng ngày, hàng đêm trong ý thức của những người trẻ biết đau cái đau của đất nước.

Năm 1968, năm cao điểm của cuộc chiến Việt Nam, tôi lớn lên ở gần cửa biển Sơn Trà, quận 3, Đà Nẵng. Buổi chiều tôi thường ngồi trên cồn cát trông xóm Cù Mân nhìn những đoàn xe chở bom đạn nối đuôi nhau từ cảng Tiên Sa nhập vào các kho quân sự chung quanh thành phố để đổ đi vào cuộc chiến. Tôi thường nghĩ những bom đạn kia nay mai đây sẽ rơi xuống một nơi nào đó trên quê hương tôi. Đêm đêm trên đường về nhà dọc bờ sông Hàn những anh lính Mỹ đến, Mỹ trở về mang mùi bia rượu, tay ôm những cô gái Việt bằng tuổi tôi và cười tiếng cười khúc khích. Niềm tin ái dân tộc trong lòng tôi dâng cao. Tôi cảm thấy bị xúc phạm. Họ xúc phạm không chỉ dân tộc Việt Nam, người con gái Việt Nam, mà những người còn xúc phạm đến cờ hàng phòng thủ, hàng sao xanh trên con đường về nhà về quê. Cách thành phố Đà Nẵng không xa là bãi rác Hòa Cầm rừng mênh mông. Nơi đó, mùi bụi sáng, hàng trăm đứa bé mới ngoài mười tuổi như tôi bám theo những chiếc xe rác Mỹ để nhặt những mảnh đồ vật, những lon bia bìa dẹt và ngay cả những chiếc bao nhả dãi dãi. Ngày đó, tuy còn khá như tôi đã biết thì tôi nhận cho sự phân chia một cây cỏ theo bốn ngàn năm đang biến thành dây chùm gai, những thứ tôi cũng thấy, những điều tàn đố nát, những bất công phi lý của xã hội Việt Nam, trong đó có sự hiện diện của những người Mỹ đến Mỹ trở về kia phải phát xuất từ một hay nhiều nguyên nhân nào đó.

Hoàn cảnh đất nước và nhiệt tình tuổi trẻ đã buộc các anh chị chọn lựa cho mình một hướng đi, một lý tưởng sống, một dâng hiến dành cho quê hương mà các anh chị nghĩ là đúng nhất. Sự chọn lựa nào cũng kèm theo đó sự hy sinh, cũng mang tính lịch sử và lịch sử Việt Nam trước 1975 là một lịch sử đầy nhuốm nhuốm, đau thương và nghèo khổ. Nhìn lại tuổi hai mươi không phải để phê phán những việc làm thời đó đúng hay sai. Sai hay đúng là thái độ của hôm nay và về sau chứ không phải của quá khứ.

Bốn mươi năm trước, nếu có người cho rằng xã hội miền Bắc tốt đẹp hơn xã hội miền Nam có

thá đã không gây ra nhiáu tranh cãi bái vì các tá nán tham nháng, quan chác láng hành quá phá bián á mián Nam trong khi cháa ai thát sáng mát ngày đái chá nghĩa xã hái; thá nháng, hán 30 năm sau mà nháng ngái đá ván còn tiáp tác luán đái u giáng nhá thá thì đá chá là mát cách nói liáu.

Bán mái năm trác, vì giái hán vá tài liáu tham kháo, náu có ngái nhán xét ông Há Chí Minh, ông Tráng Chinh, ông Lê Duán vá mát đáo đác tát hán các ông Táng tháng mián Nam có thá còn thông cám, nháng sau 30 năm vái tát cá tài liáu đã đác tiát lá, Cái cách Ruáng đát, Nhân văn – Giai phám, vá án xét lái, Táng công kích Máu Thân, chuyên chính vô sán, đác tài đáng trá, mà có ngái sáng bái các lánh tá cáng sán trên thì thát là mát niám tin mù quáng.

Tôi cũng cảm án nhà văn Tô Nhuán Vá đã phá bián tiáu luán “Nhà văn Việt Nam: Đái mái và Hái nháp”, kát quá cáa đá tài nghiên cáu mà anh tham gia vái William Joiner Center (WJC) thuác Đái hác Massachusetts trong hai năm 2005 đán 2007. Vài đái m trong tiáu luán cáa anh có thá tháo luán nhá tôi sá làm đái đáy, nháng vá táng quát tiáu luán này đã giúp cho tôi thêm nháng kián thác vá sinh hoát văn hác trong nác mà tôi không biát đán nhiáu.

Nhác đán WJC, tôi nhá lái nháng chuyán xáy ra mái năm trác. Tôi sáng á Boston và không xa lá gì các khóa hái tháo mùa hè cáa WJC. Trong hai năm 1998 và 1999, tôi đã cùng mát sá anh chá trong giái cám bút đán nói chuyán tái các khóa hái tháo mùa hè cáa trung tâm này. Mác dù không phái là nhà văn, nhà thá có nháng tác phám văn cháng đá tám vác đá đái dián cho văn nghá sĩ hái ngoái, tôi ván đác mái, đán gián chá vì tôi sáng ngay tái Boston, quen thuác vái sinh hoát cáa cáng đáng ngái Việt và đã có thái hác á Đái hác Massachusetts.

Tôi áng há quan đám và thái đá tích các tham gia vào các khóa hái tháo mùa hè tái Đái hác Massachusetts cáa tá chác cáng đáng Việt Nam. Thay vì táp trung các sinh hoát trong nái báng nái Việt, sá có mát trong nháng buái tháo luán vá văn hác Việt Nam, chián tranh và háu quá xã hái Việt Nam tái các đái n đán ráng hán, liên quan đán nhiáu quác gia là nháng viác nên làm và ngay cá phái làm. Chúng ta đang đáu tranh cho quyán tá do phát biáu cáa đáng bào trong nác thì không có lý do gì tá giái hán quyán phát biáu cáa chính mình trong mát xã hái tá do.

Trong chián tranh, chá đá Việt Nam Cáng hòa không có nhiáu cá hái đá nói lên tiáng nói chính nghĩa cáa mình. Mián Nam không phái cáa ông Ngô Đình Diám, Nguyán Văn Thiáu hay Dáng Văn Minh mà là mián Nam cáa hán hai chác triáu ngái, trong đó có mát triáu ngái lính đã phái chián đáu trong nháng đái u kián hát sác khó khăn, váa cô đán và cũng váa cô thá. Nháng vành khăn tang tráng cáa nháng ngái vá lính, nháng đáa bé má cái vì cha váa tá trán chá tráng

trong các khu gia binh nghèo, trong những căn nhà tranh heo hắt chổ không trống trên các màn
nhụy hình quạ t. Và từ sau 1975, các nhà văn, nhà thơ từ các quốc gia khác cũng ch
biết Việt Nam đến chổ đợc nhìn qua vớ kớch do Đợc Cộng sản Việt Nam dân dợc, qua
các khu hiu tuyên truyền của phe có quyền ăn nói, những không biết đến một Việt Nam khác
đang bở bở miu, đang bở đầy ắp trong tù ngục và bở tợc đợc những quy n căn bở n của con
ngợi. Do đó, giu ng nhợc thợp lên que diêm trong đêm tợi trợi, gióng lên đợc mợi tiếng nói
của lợc tâm dù ở đâu cũng là đợc cợn thi t.

Ngoi trợi tôi, hợu hợi các nhà văn miu Nam tham dợc các khóa hợi thợo mùa hè do WJC tợ
chợc đợu đã nhợu năm phợc vớ trong quân đợi và thợi gian ở tù sau 1975 cũng không ngợ n hợ
bao nhiêu so vớ quợ đợi lính tráng của hợ. Trong số anh em chúng tôi, nhà văn Hoàng Ngợc
Liên lợn tuợi nhợt. Vào tháng 9 năm 1999 ông đã ngoi 70 tuợi. Là mợi cợu sĩ quan cao cợp
trong quân đợi Việt Nam Cộng hòa và bợ giam 13 năm trong các nhà tù khợp miu bợc, thợ
nhợng, ông không dùng đợi đợn WJC đợ tợ cáo tợi ác cợng sợn, đợ đợi Đợc Cộng sản phợi
đợ nợ máu trợc nhân dân, đợi giợi lãnh đợ Đợc phợi ở tù ít nhợt bợng số năm ông đã tợng
phợi ở. Không. Nhà văn Hoàng Ngợc Liên xem buợi hợi thợo chợ là cợ hợi đợ kợ lợi nhợng đợu
mợi thợy tai nghe trong năm tháng ông ở tù và quan trợng hợ n, nhợ n gợi nhợng lợi đợy hy vợng
đợ nợ nhợng ngợi cợ m bợ Việt Nam thuợc thợ hợ trợ trong nợc cũng nhợ đang tham gia trong
khóa hợi thợo mùa hè năm đó. Trong bài viợ t “Nhợng câu chuyợn chợa kợ” ông đợc ở hợi thợo
vào buợi chiợu ngày 1 tháng 9 năm 1999 tợi Đợi hợc Massachusetts, Boston, nhà văn Hoàng
Ngợc Liên kợ tợ lợn: “Tôi nghĩ rợng lâu nay, nhợt là tợ năm 2000, tuợi trợ Việt Nam là kợ vợng
của dân tợc Việt Nam, trong chiợu hợng gợp phợ n xợ dợ đợ tợ nợc chúng tôi, mợi đợ tợ nợc
bợ chiợ n tranh tàn phá, sau 24 năm hòa bình, thợng nhợt, vợ n còn nghèo nàn, lợc hợu mà dân
chúng hợu nhợ xa lợ vớ nhợng quy n Tợ do căn bở n của con ngợi. Tôi, và nhợng ngợi nhợ
tôi, tin tợng vào thợ hợ trợ, ở ng hợ các bợ n trợ cợ m bợ, vớ vợ phong mợi mợ hợ n, súc tích
hợ n.”

Nợu câu nói trên do tôi nói ra thì chợng có gì đáng đợ ý. Tôi trợ hợ n nhà văn Hoàng Ngợc Liên
nhợu, chợa tợng bợ đánh đợp, bợ đầy ắp ở mợi ngày nào trong các trợi tợp trung Hoàng Liên Sợn,
Thanh Phong, Vĩnh Phú, phát biợu hay ca ngợi lòng nhân ái là chuyợn thợng tình, nhợng nhà
văn Hoàng Ngợc Liên thì khác, ông vợa mợi thoát ra khợi đợa ngợc trợn gian cợng sợn, sợc
khợ chợa kợp phợc hợi, thân thợ còn đau nhợc nhợng vợ n đợa lên các giá trợ thiêng liêng của
tình dân tợc và mợc đích Tợ do, Nhân bợ n cho các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau đợ nói
lên nhợng lợi tâm huyợt của mình. Thợ tợ quý hóa và may mợ n biợt bao nhiêu. Không ai hòa giợi
vớ ông và ông cũng chợng cợn ai hòa giợi. Ông đã tợ hóa giợi các xung đợ tợ bợng nhợ n thợc và
qua đó đã hòa giợi đợc vớ chính mình. Dù bợ tù 13 năm ông đã bợc ra khợi cợng trợi nhợ mợ t
ngợi chiợ n thợng chợ không phợi ngợi thua trợn. Ông trợ vợ nhợ sau mợi cuợc hành quân dài
chợ không phợi mợi ngợi vợa đợc trao trợ tợ do, bợi vì lý tợng Tợ do Nhân bợ n vợ n còn là
ngợ n thôi thúc trong lòng nhà văn 70 tuợi và ông vợng tin mợc đích tợ tợ đợp đó mợi ngày sợ đợ n
vớ đợ tợ nợc Việt Nam.

Độc tiêu u luận “Nhà văn Việt Nam: Đòi hỏi và Hối nhậm”, tôi cũng tìm thấy trong nhà văn Tô Nhuần Vĩ một bài viết về ngày mai tôi sẽ sáng như nhà văn Hoàng Ngọc Liên. Đột nhiên tôi cảm thấy vui qua những bài viết, văn học phải vui qua những bài viết, mỗi nhà văn nhà thơ cũng phải tìm cách vượt qua những bài viết của chính mình để đi lên và đưa đất nước đi lên. Tuy nhiên, khác với nhà văn Hoàng Ngọc Liên là điều kiện tự do, nhà văn Tô Nhuần Vĩ cho rằng bài viết đầu tiên và cần thiết nhất để hồi nhậm văn học Việt Nam trong cũng như ngoài nước là hòa hợp hòa giải trong giới văn nghệ sĩ: “đội ngũ nhà văn Việt Nam sẽ đóng vai trò đi đầu, là chiếc cầu nối cho việc hoà giải, hoà hợp dân tộc, để biết giải quyết những gì Việt Nam có ngoài việc đang bào trong nước, do hoàn cảnh lịch sử, đã để lại một hố sâu ngăn cách, để biết chưa xót sau chiến tranh.”

Tôi không nghi ngờ thiện chí của nhà văn Tô Nhuần Vĩ những thành tựu mà nói, hòa giải hòa hợp phải là một chiếc bóng do Đảng vẽ ra mà những người Việt có lòng đang đuổi bắt nó đã từng đuổi bắt con bài hòa bình trước 1975.

Hình ảnh con bài hòa bình trên bầu trời quê hương thân yêu đã đẩy bao nhiêu tuổi trẻ Việt Nam tự nguyện lao vào chết, đến giờ này vì “nó là chim tôi sẽ làm một bài viết và nó là người tôi sẽ chết cho quê hương”. Các thành phố miền nam như Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, đâu đâu cũng xuất hiện các phong trào đòi quyền sống, đòi hòa bình, đòi tự quyết. Các cuộc xuống đường diễn ra hàng ngày, mỗi tuần, nhiều người làm cho đường phố quắc thước và những người hiêu biết gì họ nên và chính trị có nên xét trong các phe đang đánh nhau chỉ có chính quyền miền nam mới là những kẻ hiêu biết và đi ngược lại khát vọng hòa bình dân tộc.

Kể thuật tuyên truyền tình hình của Đảng đã biến những người lính miền nam đang ngày đêm đổ máu trong cuộc chiến mà không có quyền chọn lựa thành những kẻ sát nhân, trong lúc những kẻ ném bom vào nhà hàng Mĩ Cơn, pháo kích vào trường tiểu học Cai Lậy, chôn sống đang bào trên Bãi Dâu Huế, đốt mìn trên quốc lộ số một... là trở thành những anh hùng dân tộc. Và sau 1975, mỗi người đi vào biết tất cả các phong trào hòa bình giải phóng đó đều do Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo, những con chim bài hòa bình xinh kia là do bàn tay Đảng vẽ ra, và những kẻ ném bom ngày nào cũng không ai khác hơn chính là những đồng viên biết Đảng thành trung kiên của Đảng.

Tôi cũng không nghĩ cần thiết phải có một nhu cầu hòa giải trong giới văn nghệ sĩ dù một thời đã phải đang hai bên chuyển tuyền khác nhau. Tôi chỉ gặp anh Tô Nhuần Vĩ chỉ vì chúng ta chỉ có điều kiện gặp nhau chỉ không phải tôi hận thù, oán trách gì anh mà không gặp. Tôi đi rất nhiều nơi và tiếp xúc với nhiều anh chị chú bác trong giới cầm bút những rất hiếm khi gặp một nhà văn nhà thơ mang lòng thù hận các nhà văn nhà thơ trong nước. Một số khá đông

không thích tham gia vào các tác phẩm viết chung giữa các nhà văn trong nước và hải ngoại vì họ không muốn làm cái loa tuyên truyền giùm cho Đảng, vì họ không tác phẩm viết chung chung đem lại một cái gì cả thời khi phần lớn chỉ phát hành tại hải ngoại chứ không phải trong nước, một nơi có 80 triệu người còn phải đói. Sau 33 năm, hàng trăm tác phẩm được viết trước 1975 tại miền Nam vẫn chưa được tái bản, chưa được công nhận, nhà văn nhà thơ gốc Việt Nam Cộng hòa vẫn còn bị đối xử như một thế công dân hạng hai, nói chi là các nhà văn nhà thơ viết biên sau 1975 và tác phẩm của họ được viết ra tại hải ngoại. Nếu vẫn hèn là đối tượng tình thân của cộng đồng trong một thế giới như thế thì văn hèn hải ngoại hẳn phải mang đậm nét của hành trình tìm kiếm do đói nghèo gian khổ, được nên nên tác phẩm như thế sẽ không bao giờ có mặt trong một nhà sách nào ở Việt Nam khi chế độ cộng sản còn tồn tại.

Tình cảm giữa những người cộng đồng bút dù bên này hay bên kia không xa cách nhau như anh Tô Nhuần và lo lắng. Tôi còn nhớ một năm trước, vài ngày trước khi đến WJC tham gia hội thảo, có người hỏi tôi, nếu gặp nhau trong buổi hội thảo, tôi sẽ làm gì, sẽ đối xử ra sao với những người được gọi là “văn nô cộng sản” từ Việt Nam sang. Tôi trả lời người đó rằng sau buổi hội thảo, tôi sẽ rời các anh chị trong nước sang đi uống cà-phê. Mọi người ngồi chung quanh tôi hôm đó đều bật cười vì nghĩ rằng tôi nói chơi. Không, tôi nói thật. Tôi đã đi uống cà-phê với người anh chị văn nghệ sĩ trong nước sang. Không giống như những năm trước, thời anh Lê Lưu sang tham gia WJC trước, viết những bài ký sự rồi tiến được in trong hai tập ký Một thời kỳ mới và Trở lại nước M, các anh chị đến những năm sau đó thông cảm hơn nhiều. Gặp ai tôi cũng chỉ yêu cầu một điều, hãy viết về cuộc đời và đất nước như các anh chị đã từng sống. Thời kỳ viết theo chế độ đã qua rồi, xin đừng lấy cho các thế hệ mai sau những lời chân thật. Hẳn bao giờ họ sẽ đất nước đang cần những người nói thật và sống thật.

Đôi với các em sinh viên du học cũng thế. Tôi gặp họ rất sớm. Nhiều em mới sang còn được theo太太 cho tôi nghe và còn nói về “Bác Hồ là vợ cha chung, là sao Bác Hồ là vợ ông Thái Đồng” của các em bằng một ánh mắt hồn nhiên và hãnh diện. Tôi kiên nhẫn nghe mà không phản đối bởi vì tôi hiểu đó là tất cả những gì em có. Thế giới tri thức của em thì lấp vầy lòng đã được đóng khung trong những bài giảng đầy tính giáo điều của người tín. Một tuấn tú trước khi bước ra hình vẽ thì đi tới chông, Nicolae Ceausescu vẫn còn được học sinh Rumani, giảng như các em học sinh Việt Nam ngày nay, ca tụng là tinh hoa kết tinh dòng truyền thống giang Danube. Tôi biết sau 4 năm đời học, các em sẽ thay đổi. Các em còn trẻ nên những thói quen tốt xấu, mê tín dị đoan đến đến những rùng rợn cũng sẽ đi. Bỗng sùng bái cá nhân sẽ biến mất, những người chỉ cho ánh sáng khoa học thâm nhập vào tâm hồn trẻ trung của các em. Quá trình đời mới như thế không diễn ra trong một sớm một chiều mà là một quá trình dài, từng bước và liên tục. Các em sẽ lớn lên và trở nên thành không phải chỉ tuấn tác mà cả trí thức. Mọi thế hệ có trách nhiệm riêng trong từng giai đoạn lịch sử. Các bậc cha chú dù đúng hay sai rồi cũng sẽ lớn lên và xuống đất hay lên giàn hỏa và các em sẽ phải nghiêng vai gánh vác trách nhiệm lịch sử của thế hệ mình. Các em có quyền trách móc, đổ thừa nhưng không có quyền từ chối.

Có nhà tôi ngày đó gì ng nh có chùa, ai đến cũng đến, tôi có bao giờ hỏi lý lịch hay căn cứ của người nào. Cách nói và cách trả lời với từng người có thể khác, nhưng đều chuyên chở một quan điểm chính trị và niềm tin với từng người lại đến nỗi gì ng nhau. Quan điểm chính trị của tôi rất rõ ràng và đến giờ n. Với tôi, có dân tộc Việt Nam từ Bắc đến Nam, từ nhà văn nhà thơ cho đến người có chùa với người mất lá th, từ các nhà trí thức học nhiều hiểu rõ ng cho đến các bác nông dân tay lấm chân bùn, từ các cha cho đến các thầy, từ những người đã chết sau khi Đ ng Cộng sản Việt Nam thành lập năm 1930 hay còn sống hôm nay, nói chung hơn 80 triệu người, đều là nhân của chung nghĩa cộng sản.

Đ ng Cộng sản thời ng trong chiến tranh không phải vì họ có chính nghĩa, mà bởi vì họ đã kiên trì với mục đích nhu cầu Việt Nam, đến cả cách tính vi phạm trung tâm Đ ng cho đến tên họ ba người và khai thác triệt để lòng yêu nước sâu đậm của người dân Việt Nam. Tôi cũng có niềm tin rằng dân tộc Việt Nam với một dân số trung bình không quá đông hay quá ít, với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, với lực lượng chuyên viên đông đảo trong các ngành khoa học đang có mặt trên khắp thế giới, với truyền thống yêu nước của Bạch Đằng, Chi Lăng, Đ ng Đa và chiến thắng trong huyết quản, nếu được chấp đôi cánh tự do, dân chủ, nhân bản, Việt Nam sẽ bay lên cao, sẽ thoát sự trở thành một cộng đồng quốc kinh tế, cộng đồng quốc quân sự, sẽ đem khả năng báo vệ sự toàn vẹn vùng trời, vùng biển của thế quốc thiêng liêng. Nếu không có tự do dân chủ, “khát vọng cánh” mà anh Tô Nhuần Văn nêu ra trong phần đầu tiểu luận chính là một gì c mất.

Có người cho rằng Đ ng Cộng sản đã có một thời đ ng hành với dân tộc, cùng hàng đến một mục tiêu như dân tộc Việt Nam, do đó vai trò lãnh đạo của Đ ng ngày nay là hợp quy luật yêu cầu lịch sử. Tôi không đồng ý. Đó là lý luận của kẻ cướp. Với tôi, rất nhiều đ ng viên Đ ng Cộng sản tham gia chính Pháp phát xuất từ lòng yêu nước và đã chết cho đến nỗi như tôi đã hiểu lớn viết trên diên đàn này, nhưng bản thân Đ ng Cộng sản như một kẻ cướp chính trị có bao giờ đ ng hành với dân tộc. Việc giành lấy nền độc lập và chấp nhận đến nỗi tay thước dân là mục tiêu, là bản của dân tộc Việt Nam, trong khi đó đi với Đ ng Cộng sản, đến độc lập dân tộc chỉ là phương tiện, một chiếc cầu, một chiếc ghe học có để đi qua trên dòng tiến tới cách mạng vô sản. Mục tiêu đó đã đến kẻ cướp ngay trong “Luận cương chính trị” Đ ng Việt Đ ng Cộng sản Đông Dương do Trần Phú chủ trì năm 1930 và đến cả Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương phê chuẩn vào tháng 4 cùng năm: “Vai trò lãnh đạo của Đ ng Cộng sản trong cuộc cách mạng; hai giai đoạn cách mạng từ cách mạng tư sản dân quyền đến quốc và phong kiến nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và người cày có ruộng và sau đó chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.”

Sau 1975, một số người tiếp tục nghiên cứu vào rằng “Chính Mục tiêu” đã phạm lỗi, kết án gì lãnh đạo Đ ng đi người người quy định dân tộc, phạm lỗi lý tưởng, phạm lỗi máu xương của đ ng chí học, đến đến nỗi đi vào con đường nghèo đói, đến tài, đến nợ. Nghĩ cho đúng, đó là những lỗi kết án thiêu của sự lý luận lớn thời kỳ. Thời là oan cho Đ ng. Nếu họ chịu khó đến các

đá cáng chính trá đá hái Đáng tá ngày thành láp 78 năm trác cho đán đá hái lán thá X cách đây hai năm, sá tháy Đáng Cáng sán cháa bao giá phán bái mác tiêu cáa mình. Mác tiêu cáng sán hóa toàn cái Viát Nam và đát dán tác Viát Nam đá i quyán cai trá tuyát đái cáa Đáng cháa bao giá thay đái. Vì mát sá đái u kián cách máng và bián chuyán chính trá thá giái xáy ra ngoài tiên liáu, các chính sách cáa Đáng cũng phái theo đó mà áp đáng mát cách thích nghi hán, mám đáo hán qua nháng chính sách gái là “đái mái”, “hái nháp” v.v..., nháng mác đích cáa Đáng tá trác đán sau luôn nhát quán.

Có ngá i đán nay ván nghĩ ráng viác há háng áng lái kêu gái cáa Đáng Cáng sán đá đáng lên “Cháng Má cáu nác” là mát lý táng cao đáp cáa cuác đái há, nháng không biát ráng câu đó chá là mát trong hàng chác kháu hiáu có tính giai đoán mà Đáng đã dùng. Náu Má không qua Viát Nam thì Đáng có đá yên cho nhán dân mián Nam xây đáng mát xã hái tá do dân chá không? Chác chán là không. Dĩ nhiên, Má không qua sá không có kháu hiáu “Cháng Má cáu nác”, nháng Đáng có tháa chuyán viên truyền truyán chuyán nghiáp đá nghĩ ra nháng kháu hiáu khác không kém phán khách đáng.

Tôi đáng ý vái nhà văn Tô Nhuán Vá ráng giái a các nhà văn nhà thá trong và ngoài nác hay đã táng đáng trên chuyán tuyán khác nhau ván còn “mát há sâu ngán cách, đá biát chua xót”, nháng nghĩ cho đúng, cái há sâu đó cháng phái do nhà văn nhà thá nào đào ra. Đó không phái là há sâu tình cám mà là há sâu ý thác há. Theo lá tá nhiên, ai đào ra thì ngá i đó phái láp lái. Trách nhiám hòa giái hòa háp dân tác, xóa bá các cách ngăn vá ý thác há là trách nhiám cáa giái lánh đáo Đáng Cáng sán Viát Nam. Trong suát 33 năm qua vái bao nhiáu cá hái nháng các lánh đáo Đáng cháng nháng không thá hián mát hành đáng nào cá thá đá cháng tá tình thán hòa giái hòa háp dân tác mà càng đào sâu hán nháng há sâu ngán cách, làm lá loét thêm nháng vát tháng ván còn đang máng má trên da thát cáa nhiáu triáu ngá i Viát Nam. Viác yêu cáu chính quyán Nam Đáng đáp bá tám bia táng niám đáng bào chát trên Bián Đông hay viác tá chác rám rá ká niám 40 năm Máu Thân trên nái đầu cám nín cáa hàng ngàn đáng bào Huá là vài ví dá đán hình.

Vái đáng bào hái ngoái, nháng hành đáng xúc phám háng linh cáa nháng em bé chát trôi, nháng bào thai ngát nác ngay lúc còn trong báng má, nháng oan hán đang vát váng kháp Bián Đông nhá thá, làm sao lánh đáo Đáng Cáng sán có thá ván đáng đác đoàn kát trong ngoài, nhát là đá hán hai triáu ngá i Viát hái ngoái, đá cùng đáa đát nác đi lên?

Vái đáng bào trong nác, nháng cháng trình ca nhác rám rá máng 40 năm chián tháng Máu Thân, trong lúc cùng thái điám đó trên kháp ba mián đát nác, nhát là tái Huá, hàng trăm ngàn đáng bào đang khóc trong âm thán, trong tái nhác, trong hán cám u uát, thì làm sao lánh đáo Đáng có thá phát huy đác nái lác dân tác?

Bát cá mát ngái Viát Nam náo vái mát tránh đá nhán thác trung bánh cáng biát nháng hánh đáng váa náu cáa giái lánh đáo Đáng lá kháng cán thiát vá quá đáng. Tôi tin ngay cá trong Bá Chính trá và Trung áng Đáng cáng cá ngái biát viác đá lá phi nhán, lá cá háu, váng vá và quá đáng, nháng há kháng cá chán láa náo khác ngoái viác phái láam, đán gián bái vá che đáy tái ác lá phán áng tá nhán cáa nháng ká đá gáy ra tái ác.

Chim bay cán đái cánh nháng kháng phái giáng chim náo cá cánh cáng cá thá bay cao. Chim se sá chá biát bay quanh ván, nháy nhát trán nháng cánh xoái, cánh ái, nháng đá cá mát hám đái Viát Nam, mát phi đáan Viát Nam, mát vá tinh Viát Nam, mát phi thuyán Viát Nam, đát nác phái cán cá đái cánh pháng hoáng, nái đáng hán lá đái cánh dán tác. Đáng Cáng sán Viát Nam, vái nháng máu thuán đái kháng và bá tác ngay tá bán trong cá cáu đác tái đáng trá sá kháng cá kháng đáa đát nác lán ngang tám vái thái đái, và do đáng, viác chán láa mát con đáng thay thá lá trách nhiám cáa cá thá há Viát Nam trong và ngoái nác hám nay.